Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 06/07/2021 16:58:09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 99 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 7 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020

Thực hiện nội dung Công văn số 830/UBDT-CSDT ngày 25/6/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về việc phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017- 2020, số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 và Thông tư số 02/2017/TT-UBDT ngày 22/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện.

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Dân tộc *(tại văn bản số 747/UBDT-CSDT ngày 03/8/2017)*, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh giai đoạn 2017 - 2020. Hàng năm, trên có sở thông báo nguồn vốn của các Bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết cho các địa phương để triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

1. Chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp: Chưa được bố trí vốn nên chưa được triển khai thực hiện trong thời gian qua.

- Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt: Đã thực hiện hỗ trợ cho 4.963 hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo ở xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thiếu nước sinh hoạt để tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt *(nội dung hỗ trợ gồm: xây bể chứa nước, bồn chứa nước, mô tơ bơm nước, ống dẫn nước, tu bổ giếng nước...)* với tổng kinh phí là 7,444 tỷ đồng, đạt 99,92% kế hoạch vốn giao (7,450 tỷ đồng). Trong đó: Năm 2018 thực hiện hỗ trợ cho 3.476 hộ với tổng kinh phí là 5,215 tỷ đồng; năm 2019 thực hiện hỗ trợ cho 1.490 hộ với tổng kinh phí là 2,229 tỷ đồng. Đến nay, các huyện đã hoàn thành quyết toán nguồn kinh phí này.

2. Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư

a) Đối với định canh định cư tập trung

- Tổng số dự án được phê duyệt là 12 dự án *(trong đó có: 02 dự án đã hoàn thành nhưng thiếu vốn trả nợ, 05 dự án đã hoàn thành nhưng cần tiếp tục đầu tư một số hạng mục công trình thiết yếu, 02 dự án đang đầu tư dở dang và 03 dự án chưa được đầu tư)*. Tổng nhu cầu vốn được duyệt là 100,496 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 100,146 tỷ đồng và vốn sự nghiệp là 0,350 tỷ đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Đã thực hiện hoàn thành 01 dự án khởi công mới, thực hiện khắc phục sạt lở 01 dự án, 01 dự án đang đầu tư dở dang, 01 dự án chưa được bố trí vốn đầu tư; 08 dự án rà soát lại không cần thiết phải tiếp tục đầu tư và đã kết thúc dự án.

+ Tổng số hộ đã thực hiện định canh định cư là 96 hộ với 369 khẩu *(tại 03 dự án)*.

- Tổng kinh phí đã bố trí là 31,488 tỷ đồng *(trong đó, ngân sách TW là 25,688 tỷ đồng; ngân sách địa phương 5,8 tỷ đồng)*. Tổng kinh phí đã giải ngân là 31,488 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

- Số đối tượng chưa được thực hiện định canh định cư là 51hộ/204 khẩu với tổng nhu cầu kinh phí 15,648 tỷ đồng.

b) Đối với định canh định cư xen ghép: Không thực hiện do các địa phương không có nhu cầu.

3. Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Từ năm 2018 đến nay, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện cho 296 hộ DTTS nghèo sinh sống tại các xã khu vực III, thôn ĐBKK vay vốn với tổng vốn vay đã giải ngân là 10,919 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Tổng vốn cho vay chỉ đạt 3,83% so nhu cầu của Đề án; tuy nhiên, thực tế nhiều hộ là đối tượng của chính sách đã vay theo các chương trình, chính sách khác.

4. Kết quả giải ngân nguồn vốn từ năm 2017 đến nay

- Tổng ngân sách Trung ương đã phân bổ là: 33,138 tỷ đồng *(trong đó: vốn đầu tư phát triển là 25,688 tỷ đồng và vốn sự nghiệp là 7,450 triệu đồng)*. Đã thực hiện giải ngân 33,132 tỷ đồng, đạt 99,98% kế hoạch.

- Tổng ngân sách địa phương đã phân bổ là: 5,8 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển). Đã thực hiện giải ngân 5,8 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vốn Chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi đã phân bổ là: 10,919 tỷ đồng. Đã thực hiện cho vay 10,919 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

(chi tiết tại các phụ biểu kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020 đã được tỉnh chỉ đạo các Sở ngành và địa phương triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt; kết quả thực hiện đã giải quyết được một số nhu cầu cấn thiết cho bà con vùng đồng bào DTTS, nhất

là ở vùng ĐBKK của tỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chính sách vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Nguồn kinh phí bố trí cho thực hiện chính sách còn rất thấp, chỉ đạt hơn 10% so với Đề án duyệt, nên chưa thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Nhiều hộ dân được phê duyệt định canh định cư tập trung từ hơn 10 năm trước đây *(tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009)* nhưng vẫn chưa được thực hiện định canh định cư.

- Các địa phương không bố trí được đất ở, đất sản xuất cho đối tượng vì quỹ đất địa phương đang khó khăn; đồng thời, trong những năm qua, kinh phí bố trí quá ít, không có để hỗ trợ cho đối tượng tạo đất sản xuất hay chuyển đổi nghề nghiệp.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp bố trí từ năm 2015 cho các dự án định canh định cư tập trung đến cuối năm 2017 đã bị thu hồi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 nên không có kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho các hộ đã vào định canh định cư ở các dự án hoàn thành từ sau năm 2017. (Nội dung này, UBND tỉnh đã có văn bản báo cáo đề xuất với các Bộ ngành Trung ương tại Công văn số 2061/UBND-KT ngày 13/5/2021).

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc và các Bộ ngành Trung ương xem xét:

a) Cho phép địa phương sử dụng kinh phí sự nghiệp còn lại của chính sách định canh định cư để tiếp tục hỗ trợ cho các hộ dân di chuyển vào các điểm định canh định cư tập trung quy định Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 2061/UBND-KT ngày 13/5/2021.

b) Quy định giảm quy mô số hộ trên một dự án định canh định cư tập trung trong giai đoạn tiếp theo *(theo quy định trước đây là tối thiểu 45 hộ/dự án)*. Vì hiện nay, ở vùng đồng bào DTTS của tỉnh khó chọn được địa điểm có mặt bằng đủ lớn, đảm bảo an toàn không bị sạt lở; đồng bào DTTS không muốn di chuyển đến ở mới xa, không phù hợp với phong tục, tập quán.

c) Sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, ban hành các văn bản hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện.

Kính báo cáo Ủy ban Dân tộc theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện miền núi;
- VPUB: CVP, PCVP, VX, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT,KTTiền315.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

Phụ biểu 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT, VAY VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTg TỪ NĂM 2017 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2021 TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 99 /BC-UBND ngày 06 /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên huyện	Hỗ trợ đất ở			Hỗ trợ đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề						Hỗ trợ nước sinh hoạt		Vay vốn hộ ĐBKK		Ghi chú
										Trong đó									
		Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn HT từ NSĐP	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn hỗ trợ	Vốn vay	Số hộ	Nghề nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi ...)	Nghề phi nông nghiệp	Nghề khác	Vốn hỗ trợ	Vốn vay	Số hộ	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Số vốn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	TOÀN TỈNH														**4.963**	**7.444,0**	**296**	**10.919**	
1	Sơn Hà														1.057	1.585,5	20	700	
2	Ba Tơ														1.128	1.691,5	45	2.000	
3	Minh Long														248	372,0		-	
4	Trà Bồng														1.922	2.883,0	221	7.719	
5	Sơn Tây														391	586,5		-	
6	Tư Nghĩa														58	87,0			
7	Sơn Tịnh														20	30,0			
8	Mộ Đức														7	10,5			
9	Nghĩa Hành														132	198,0	10	500	

Phụ biểu 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BỐ TRÍ, SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTg TỪ NĂM 2017 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2021 TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 99 /BC-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm thực hiện dự án ĐCĐC	Đối tượng du canh du cư		Kế hoạch vốn được phê duyệt				Kết quả thực hiện							
					Vốn Trung ương			Vốn địa phương & lồng ghép	Vốn Trung ương			Vốn đã giải ngân			Vốn địa phương & lồng ghép	Số đối tượng đã ĐCĐC
			Số hộ	Số khẩu	Tổng số	ĐTPT	SN		Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN		Số hộ	Số khẩu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	Tổng số		**204**	**813**	**39.188**	**39.188**	**-**	**11.292**	**25.688**	**25.688**	**-**	**25.688**	**25.688**	**-**	**5.800**	**96**	**369**
I	**CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH**		**99**	**377**	**28.159**	**28.159**	**-**	**7.331**	**14.659**	**14.659**	**-**	**14.659**	**14.659**	**-**	**5.800**	**96**	**369**
A	**Dự án ĐCĐC tập trung**		**99**	**377**	**28.159**	**28.159**	**-**	**7.331**	**14.659**	**14.659**	**-**	**14.659**	**14.659**	**-**	**5.800**	**96**	**369**
1	**Dự án Làng Trui**	**Thôn Làng Trui, xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ**	**50**	**184**	**7.659**	**7.659**		**7.331**	**7.659**	**7.659**		**7.659**	**7.659**		**2.900**	**50**	**184**
	Công trình giao thông																
	Công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, mái taluy, mương thoát nước, cấp nước)				7.659	7.659		3.026	7.659	7.659		7.659	7.659		2.900		
	Công trình cấp điện																
	Khác							4.305									
2	**Dự án Làng Mâm**	**Thôn Làng Mâm, xã Ba Bích, huyện Ba Tơ**	**49**	**193**	**20.500**	**20.500**		**-**	**7.000**	**7.000**		**7.000**	**7.000**		**2.900**	**46**	**185**
	Công trình khắc phục sạt lở, làm đường vào				20.500	20.500		-	7.000	7.000		7.000	7.000		2.900		
B	**Dự án ĐCĐC xen ghép**	**0**															
II	**CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN DỞ DANG**		**54**	**232**	**11.029**	**11.029**	**-**	**3.961**	**11.029**	**11.029**	**-**	**11.029**	**11.029**	**-**	**-**	**-**	**-**
A	**Dự án ĐCĐC tập trung**		**54**	**232**	**11.029**	**11.029**	**-**	**3.961**	**11.029**	**11.029**	**-**	**11.029**	**11.029**	**-**	**-**	**-**	**-**

TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm thực hiện dự án ĐCĐC	Đối tượng du canh du cư		Kế hoạch vốn được phê duyệt				Kết quả thực hiện								
					Vốn Trung ương			Vốn địa phương & lồng ghép	Vốn Trung ương			Vốn đã giải ngân			Vốn địa phương & lồng ghép	Số đối tượng đã ĐCĐC	
			Số hộ	Số khẩu	Tổng số	ĐTPT	SN		Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN		Số hộ	Số khẩu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	Dự án Tà Dô	**Thôn Tà Dô, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây**	**54**	**232**	**11.029**	**11.029**		**3.961**	**11.029**	**11.029**		**11.029**	**11.029**		**0**	**0**	
	Công trình giao thông																
	Công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, mái taluy, mương thoát nước, cấp nước)				10.385	10.385			10.385	10.385		10.385	10.385				
	Công trình cấp điện																
	Khác				644	644		3.961	644	644		644	644				
B	**Dự án ĐCĐC xen ghép**	**0**															
III	**CÁC DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN**		**51**	**204**													
A	**Dự án ĐCĐC tập trung**		**51**	**204**													
	DA Tổ 6 Nà óc	**Thôn Trà Xuông, xã Trà Quân, huyện Tây Trà**	**51**	**204**													
B	**Dự án ĐCĐC xen ghép**	**0**															

Phụ biểu 3

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTg NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ NĂM 2017 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2021 TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 99 /BC-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên huyện	Vốn được cấp					Vốn đã giải ngân					Trong đó											Ghi chú
		Tổng số vốn	Trong đó				Tổng số vốn	Trong đó				Vốn hỗ trợ đất ở	Vốn hỗ trợ đất sản xuất				Vốn hỗ trợ nước sinh hoạt	Vốn bố trí sắp xếp ổn định dân cư			Vay vốn hộ ĐBKK	
			NSTW		Vốn vay từ NHCSXH	Vốn NS ĐP		NSTW		Vốn vay từ NHCSXH	Vốn NS ĐP		Hỗ trợ đất SX		Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Tổng cộng	Trong đó			
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				Hỗ trợ	Vay	Hỗ trợ	Vay			Đầu tư	SN		
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
TOÀN TỈNH		**49.857**	**25.688**	**7.450,0**	**10.919**	**5.800**	**49.851**	**25.688**	**7.444**	**10.919**	**5.800**						**7.444,0**	**31.488**	**31.488**		**10.919**	
1	Sơn Hà	2.291,5		1.591,5	700		2.285,5		1.585,5	700							1.585,5				700	
2	Ba Tơ	24.150,5	14.659	1.691,5	2.000	5.800	24.150,5	14.659	1.691,5	2.000	5.800						1.691,5	20.459	20.459		2.000	
3	Minh Long	372,0		372,0	-		372,0		372,0	-							372,0				-	
4	Trà Bồng	10.602,0		2.883,0	7.719		10.602,0		2.883,0	7.719							2.883,0				7.719	
5	Sơn Tây	11.615,5	11.029	586,5	-		11.615,5	11.029	586,5	-							586,5	11.029	11.029		-	
6	Tư Nghĩa	87,0		87,0			87,0		87,0								87,0					
7	Sơn Tịnh	30,0		30,0			30,0		30,0								30,0					
8	Mộ Đức	10,5		10,5			10,5		10,5								10,5					
9	Nghĩa Hành	698,0		198,0	500		698,0		198,0	500							198,0				500	